

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN RA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Đợt xét: 8

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Học phí
1	450342	Phạm Lê Ngân Hà	04/03/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4503	129	7,65	3	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
2	450755	Nguyễn Đình Phương Linh	01/07/2002	TP Vinh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4507	128	7,47	3	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
3	450753	Bá Thị Bảo Trâm	18/07/2001	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	4507	135	7,8	3,19	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
4	450805	Lô Thị Minh Thư	14/10/2002	nghệ an	Nữ	Thái	Việt Nam	4508	130	7,31	2,85	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
5	450816	Nguyễn Thị Thương	23/11/2002	Tỉnh Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4508	128	7,9	3,24	Giỏi	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
6	450839	Nguyễn Quý Trọng	10/03/2002	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	4508	127	7,29	2,82	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
7	450933	Nguyễn Doãn Doanh	23/11/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4509	132	7,07	2,73	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
8	451101	Lê Tạ Bảo Quỳnh	03/10/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4511	127	7,29	2,86	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
9	451229	Vũ Thu Thảo	12/08/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4512	137	7,97	3,28	Giỏi	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
10	451331	Nguyễn Vũ Phương Hằng	29/01/2002	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4513	140	8,1	3,33	Giỏi	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
11	451449	Hoàng Thị Thu Huyền	10/01/2001	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	4514	132	7,44	2,99	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
12	451416	Hoàng Văn Mạnh	07/03/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	Việt Nam	4514	130	7,54	2,99	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
13	451548	Chu Hương Giang	28/04/2002	Hoà Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4515	127	7,98	3,27	Giỏi	Ngành Luật	Hoàn thành học phí

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Học phí
14	451621	Đỗ Thị Thu Thủy	27/01/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4516	127	7,8	3,19	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
15	451755	Trần Mỹ Linh	24/01/1999	Phú Thọ	Nữ	Tày	Việt Nam	4517	129	7,29	2,83	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
16	451753	Nguyễn Phi Trường	16/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	4517	127	7,36	2,91	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
17	451825	Nguyễn Thu Huyền	28/10/2002	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	4518	130	7,69	3,08	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
18	451834	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/02/2002	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4518	127	7,44	2,95	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
19	451931	Hoàng Thu Hà	29/08/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4519	132	7,76	3,09	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
20	451933	Nguyễn Dương Anh Vũ	19/11/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4519	129	7,68	3,08	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
21	452035	Lê Công Quốc Thắng	17/09/2002	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	4520	127	7,07	2,74	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí
22	452635	Mai Thị Quỳnh Trang	12/04/2002	Nghệ An	Nữ	Thổ	Việt Nam	4526	129	8,72	3,67	Xuất sắc	Ngành Luật kinh tế	Hoàn thành học phí
23	453035	Nguyễn Thu Thủy	08/11/2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4530	138	6,92	2,64	Khá	Ngành Luật TMQT	Hoàn thành học phí
24	453139	Trần Hoàng Ân	21/11/2002	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	4531	130	7,35	2,88	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	Hoàn thành học phí
25	453101	Ngô Thanh Thúy	06/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	4531	172	7,49	2,99	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	Hoàn thành học phí
26	453208	Phạm Trần Khánh Linh	04/11/2002	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4532	176	7,51	2,99	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	Hoàn thành học phí
27	453742	Chu Thanh Nga	26/01/2002	Hà Nội	Nữ	---	Việt Nam	4537	134	7,5	3	Khá	Ngành Luật	Hoàn thành học phí

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Học phí
----	--------------	--------	-----------	----------	-----------	---------	-----------	-------------	---------	-----------	----------------	----------	------------------	---------

Việt Nam	30	Khá	24	80
Tổng cộng	30	Giỏi	5	16,7
		Xuất sắc	1	3,33
		Tổng cộng	30	

ngày
7
tháng
7
năm
2025